TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3 và 07/5/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Xung và bà Đinh Thị Hợp.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2018 và ngày 07/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-HNGĐST ngày 26/02/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 23/3/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 30/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh L, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố a, phường L, Thành phố H, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn:* Anh Hà Minh T, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố b, phường Đ, Thành phố H, tỉnh Quảng Trị.

Đồng tạm trú: Số c, NCT, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có sổ đăng ký tạm trú).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh L trình bày:** Trước ngày 29/3/2013, chị L và anh T là vợ chồng, sau đó chị L và anh T xin ly hôn và được Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Quảng Trị công nhận thuận tình ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các

đương sự số 20/2013/QĐST – HNGĐ, ngày 29/3/2013. Đến ngày 16/10/2014, chị L và anh Hà Minh T đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Tp H, tỉnh Quảng Trị và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển sổ 01/2014, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì giữa chị L và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn: anh T gây áp lực cho chị L, chị L vừa bán quán nhậu chính và bán thêm túi nilông tiêu dùng để kiếm thêm thu nhập nhưng anh T có lời lẽ xúc phạm chị L như sau "Mày không làm được gì ở cái quán này hết, mày chỉ làm đĩ mà thôi; Làm việc thì dốt, không nên hồn, không lo tập trung quán xá mà chỉ lo đi bỏ cái hàng không thu được mấy đồng hết; mày bán quán nhậu chứ không phải mày bán thân xác, không phải đưa thân xác ra mà đưa với khách; Mày là loài vô học, ba mẹ mày cho mày đi học cho uổng tiền". Anh T có lời lẽ xúc phạm đến bố mẹ chị L. Khi cãi nhau thì anh T hay đánh đập chị L, anh T uống rượu thì về nhà kiếm chuyện đánh đập chị L. Nay chị L không còn tình cảm với anh T nên mong muốn được ly hôn.

Chị L và anh T có một con chung: cháu tên Hà Minh P, sinh ngày 24/10/2009. Hiện cháu P học lớp 3, trường cấp I P, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông, cháu P đang ở với chị L và anh T.

Về tài sản chung và công nợ: không có. Về con chung rút yêu cầu và không yêu cầu giải quyết.

Nay chị L yêu cầu tòa án giải quyết như sau: xin ly hôn với anh Hà Minh T. Tài sản chung và công nợ không có, không yêu cầu giải quyết. Về con chung rút yêu cầu và không yêu cầu giải quyết (con chung được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2013/QĐST – HNGĐ, ngày 29/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Trị).

***/ Theo lời trình bày của bị đơn anh Hà Minh T trong quá trình giải quyết vụ án:** chị Lê Thị Thanh L trình bày thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và công nợ là đúng sự thật nên không trình bày thêm.

Nguyên nhân dẫn đến chị L ly hôn đó là hai bên không có tiếng nói chung trong công việc làm ăn, hai bên thường xuyên khắc khẩu, có hôm nóng giận anh có tát chị L một cái, trong phút nóng giận theo quán tính thì anh có nói nặng lời với chị và bố mẹ chị chứ không có ý xúc phạm ai cả. Ngoài ra, chị L tự tìm hiểu bói toán nên chị nói giữa tuổi tôi và chị L không hợp tuổi thường xuyên hay có mâu thuẫn, thường xuyên hay tranh cãi trong việc buôn bán. Nhận thấy những mâu thuẫn trên chưa đến mức phải ly hôn, do đó anh không đồng ý ly hôn.

Nay anh T không đồng ý ly hôn, vì mâu thuẫn chị L đưa ra chưa đến mức trầm trọng nay anh T không đồng ý ly hôn với chị L.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: không có. Con chung không yêu cầu giải quyết (con chung đã được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2013/QĐST – HNGĐ, ngày 29/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H).

Tại phiên tòa đương sự thống nhất được: thời gian địa điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, con chung, tài sản chung, công nợ; thống nhất về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 Sổ tạm trú; 02 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy khai sinh.

Tại phiên tòa ngày hôm nay các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, chị L được ly hôn với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp "xin ly hôn" giữa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh L và bị đơn anh Hà Minh T, anh Hà Minh T có sổ đăng ký tạm trú tại số c, đường NCT, TDP 11, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị L xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 10 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Tp H, tỉnh Quảng Trị và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2014. Do đó, hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn: chị L và anh T đều thừa nhận giữa chị L và anh T có mâu thuẫn trong sinh hoạt trong gia đình, không hòa hợp trong làm ăn và lối sống dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, to tiếng qua lại, coi thường, không tôn trọng, có những lời lẽ tục tĩu xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm, ngoài ra anh T có hành vi bạo lực gia đình và có lời nói xúc phạm tới bố mẹ chị L.

[5] Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là trầm trọng. Hôn nhân của anh chị thật sự không đạt được mục đích. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L và giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T là có cơ sở.

[6] Về con chung và cấp dưỡng: đã được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2013/QĐST – HNGĐ, ngày 29/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đ Hà, tỉnh Quảng Trị. Tại phiên tòa ngày 07/5/2018, nguyên đơn đã nộp đơn và yêu cầu xin rút về phần con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về tài sản chung và công nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

[8] Về án phí: căn cứ Điều 144, 147; áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐắkMil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh L.

2. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh L và anh Hà Minh T (chấm dứt hôn nhân).

2.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển sổ 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Tp H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 16/10/2014 không còn giá trị pháp lý.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0000762, ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện ĐắkMil;
- UBND p. Đông Giang, Tp. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lại Hồng Duy